

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST  
Ngày: 25- 01- 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Thanh.

Ông Dương Sinh Huy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hoàng Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Võ Nhựt L- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

**Dương Chí L**, sinh 1982, tại huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo phật; con ông Dương Văn S1 và bà Trầm Thị T; anh chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh 1978, nhỏ nhất sinh 1984); vợ Nguyễn Thị C1, chưa có con; tiền án: 01, ngày 09/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 năm tù về tội hiếp dâm; tiền sự: chưa; nhân thân: có ông ngoại ruột Trầm Văn D1 là liệt sỹ; bị bắt tạm giam ngày 11/10/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Trương Tấn K, sinh 1985. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Nguyễn An B, sinh 1990. Địa chỉ: ấp KĐ, xã LV, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

2. Huỳnh Thị S2, sinh 1946. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt không lý do).

- *Có sự tham dự phiên tòa của đại diện gia đình bị cáo*: Bà Trâm Thị T (tên khác là Ngô Thị Kim T), sinh 1957. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh Trà Vinh (là mẹ ruột của bị cáo L).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Dương Chí L là người làm thuê tại lò gạch của đương sự Trương Văn T1 thuộc ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Khoảng 21 giờ ngày 10/10/2020, khi đang nằm trên võng xem ti vi tại lò gạch, bị cáo phát hiện bị hại Trương Tấn K là em ruột của đương sự T1 điều khiển xe mô tô 64G1-058.19 đi chơi về đậu trong khu vực nhà của đương sự T1, không người trông coi và chìa khoá gắn sẵn trên xe nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 22 giờ, bị cáo lén lút đi vào nơi xe đậu và dẫn xe ra lộ dal một đoạn rồi khởi động xe điều khiển về nhà bị cáo cất giấu.

Đến khoảng 09 giờ ngày 11/10/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô 64G1-058.19 đến dịch vụ cầm đồ và mua bán phụ tùng xe mô tô của Nguyễn An B. Bị cáo bán xe mô tô 64G1-058.19 cho anh B với giá là 10.000.000đ. Sau khi bán xe xong, bị cáo về nhà thì bị Công an bắt giữ, thu giữ trong người bị cáo 9.800.000đ. Sau khi bị bắt bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm xe mô tô 64G1-058.19.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KLĐGTS ngày 14/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: xe mô tô 64G1-058.19, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, số máy 55P117525, số khung P10CY175243, dung tích 134 cm<sup>3</sup>, màu sơn xanh trắng; thời điểm bị chiếm đoạt có giá là 18.000.000đ.

Ngày 14/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M khởi tố vụ án và khởi tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản.

Cáo trạng số: 04/CT- VKSND.HMT ngày 22/12/2020 của Viện kiểm

sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Dương Chí L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Dương Chí L. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự không xét. Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận cáo trạng số 04/CT- VKSND.HMT ngày 22/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là đúng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Dương Chí L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng số 04/CT- VKSND.HMT ngày 22/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, Kết luận giá trị tài sản số 17/KLĐGTS ngày 14/10/2020, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên, của Kiểm sát viên và lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Qua lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã thể hiện:

Khoảng 21 giờ ngày 10/10/2020, khi đang nằm trên võng xem ti vi tại lò gạch của anh Trương Văn T1 ở ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo phát hiện bị hại Trương Tấn K là em ruột của đương sự T1 điều khiển xe mô tô 64G1-058.19 đi chơi về đậu trong khu vực nhà của đương sự T1, không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 22 giờ, bị cáo lén lút đi vào nơi xe đậu, bị cáo phát hiện chìa khóa xe gắn sẵn trên xe. Bị cáo dẫn xe ra lộ dal một đoạn rồi khởi động xe điều khiển về nhà của bị cáo ở ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh Trà Vinh cất giấu. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/10/2020, bị cáo điều khiển

đến dịch vụ cầm đồ và mua bán phụ tùng xe mô tô của Nguyễn An B bán với giá là 10.000.000đ. Sau khi bán xe xong, bị cáo về nhà thì bị Công an bắt giữ, thu giữ trong người bị cáo 9.800.000đ. Bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý lén lút chiếm đoạt xe mô tô 64G1-058.19 của bị hại có giá trị là 18.000.000đ. Hành vi của bị cáo là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến khách thể của Bộ luật hình sự bảo vệ đó là quyền về tài sản. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Chúng ta biết, tài sản là sự kết tinh giữa trí lực và sức lực, thông qua lao động hợp pháp của con người tạo ra. Mọi hành vi xâm phạm về tài sản khi chưa được chủ sở hữu cho phép đều được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ khả năng lao động để tạo ra tài sản phục vụ cho bản thân. Nhưng do lười lao động, tư tưởng tham lam nên đã lén lút trộm tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, mất an ninh trật tự địa phương, ảnh hưởng đến phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Vì vậy cần phải xử lý để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội nhưng gây ra hậu quả không lớn, đã khắc phục được hậu quả, T1 khẩn khai báo, có ông ngoại Trầm Văn D1 là liệt sỹ, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo là người đã có một tiền án là bị phạt 06 năm tù về tội hiếp dâm, chưa được xóa án tích lại tái phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3]. Xét về hoàn cảnh gia đình, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn An B, khi mua xe do bị cáo bán, không biết xe do bị cáo trộm mà có. Nên cơ quan điều tra không khởi tố vụ án, không khởi tố bị can đối với Nguyễn An B là đúng pháp luật.

[5]. Về trách tang vật:

Tang vật là xe mô tô 64G1-058.19 là tài sản hợp pháp của bị hại K. Số tiền 10.000.000đ là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn An B. Trong quá trình điều tra đã hoàn trả cho chủ sở hữu là đúng quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6]. Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại Trương Tấn K không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với xe mô tô 64G1- 058.19, nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/BTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm là đúng quy định.

[8]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố Dương Chí L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Dương Chí L 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 11/10/2020.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự:

Miễn hình phạt bổ sung đối với Dương Chí L.

3. Trách nhiệm dân sự: Không xét.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/BTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Buộc Dương Chí L nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn An B, Huỳnh Thị S2 vắng mặt. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp Vĩnh Long;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã LV;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*(ĐÃ KÝ)*

**Huỳnh Văn Vĩnh**